

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2020/DS-PT**
Ngày: 25/05/2020
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Đình Thanh**

Các thẩm phán: Bà **Lê Thị Hiền**

Ông **Trần Anh Khoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thúy Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Ông **Bùi Hồng Nam** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 05 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2019/TLPT-DS ngày 31 tháng 12 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2019/DS-ST ngày 12/09/2018 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2020/QĐ-PT ngày 26/02/2020; quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số 07/2020/QĐ-PT ngày 17/03/2020; quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số 12/2020/QĐ-PT ngày 07/04/2020; quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số 15/2020/QĐ-PT ngày 06/05/2020, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Tăng Thị T, sinh năm 1950

Địa chỉ: Số 11 đường A, phường B, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. (*Có mặt*)

* *Bị đơn:* Bà Bùi Thị P, sinh năm 1966

Nơi ĐKNKTT: 26/17 Hùng Vương, Lộc Thọ, Nha Trang

Chỗ ở hiện nay: Số 10 đường C, phường D, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. (*Có mặt*)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Lê Văn T – Văn phòng Luật sư Lê Văn T & Cộng sự – thuộc Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa. (*Có mặt*)

* *Người làm chứng:* Ông Phan Thanh H, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số 25/08 đường E, phường F, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. (*Có mặt*)

* *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Bùi Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do là chỗ quen biết nên vào ngày 13/03/2012, bà Tăng Thị T đã cho bà Bùi Thị P vay số tiền 280.000.000đ (*Hai trăm tám mươi triệu đồng*) và không có lãi suất. Giữa các bên có lập giấy mượn tiền do bà Bùi Thị P tự viết và ký, bà Bùi Thị P hẹn trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày 13/03/2012 bà Bùi Thị P sẽ trả lại toàn bộ số tiền nêu trên cho bà Tăng Thị T. Nhưng đến thời hạn trả tiền thì bà Bùi Thị P không thực hiện việc trả nợ theo như thỏa thuận tại giấy mượn tiền. Do vậy, bà Tăng Thị T đã nhiều lần đến gặp để yêu cầu bà Bùi Thị P trả tiền, thậm chí bà Tăng Thị T còn thuê người đến đòi nợ bà Bùi Thị P nhưng bà Bùi Thị P né tránh không gặp. Sự việc đã kéo dài đến mấy năm không có kết quả nên bà Tăng Thị T khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết.

Khi bà Bùi Thị P viết giấy mượn tiền thì chỉ viết 01 bản chính duy nhất, sau đó bà Tăng Thị T đã photocopy đưa cho bà Bùi Thị P một bản (*01 bản photocopy màu*). Bà Tăng Thị T khẳng định bà Bùi Thị P vẫn còn nợ bà Tăng Thị T số tiền 280.000.000đ nên bà Tăng Thị T yêu cầu Tòa án buộc bà Bùi Thị P phải trả cho bà Tăng Thị T số tiền 280.000.000đ và bà Tăng Thị T không yêu cầu tính lãi. Trong trường hợp bà Bùi Thị P nói đã trả tiền cho bà Tăng Thị T và đã nhận lại bản chính giấy mượn tiền thì đề nghị bà Bùi Thị P nộp bản chính giấy mượn tiền đó cho Tòa án. Bà Tăng Thị T không yêu cầu giám định giấy mượn tiền bản chính mà bà Tăng Thị T đã nộp cho Tòa án vì bà Tăng Thị T khẳng định đó là bản chính duy nhất bà Tăng Thị T đã giữ từ đó cho đến nay.

Bà Bùi Thị P không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tăng Thị T. Bởi vì, bà P thừa nhận ngày 13/03/2012 thì bà có mượn bà Tăng Thị T số tiền là 280.000.000đ và có ghi giấy mượn tiền cho bà T, giấy mượn tiền bà P chỉ viết duy nhất 01 bản chính do bà T cất giữ. Nhưng đến tháng 09/2012, bà T đến công ty bà P để lấy tiền, bà P đã nhờ nhân viên của mình là anh Phan Thanh H phụ bà P đếm tiền để bà P đưa cho bà T. Bà Bùi Thị P xác định đã trả hết cho bà T số tiền 280.000.000đ, khi bà P trả tiền thì bà T đã trả lại bà P bản chính giấy mượn tiền. Bà Bùi Thị P đã viết dòng chữ "*Đã thanh toán xong cho chị T*" vào góc trái của giấy mượn tiền và bà P ký vào đó. Giấy mượn tiền mà bà T nộp cho Tòa án là giả mạo, bà P không thừa nhận đó là chữ viết và chữ ký của bà P. Bà Tăng Thị T phải có nghĩa vụ chứng minh giấy mượn tiền mà bà T nộp cho Tòa án là thật, bà P không yêu cầu giám định tờ giấy mượn tiền đó. Còn bản chính giấy mượn tiền mà bà P đang giữ thì bà P đã nộp cho cơ quan Công an để tố cáo bà Tăng Thị T.

Ông Phan Thanh H trình bày: Tôi là nhân viên kế toán của công ty bà P. Tôi nhớ là vào năm 2012 bà T có đến công ty để nhận tiền. Bà P có nhờ tôi phụ đếm tiền để bà P đưa cho bà T số tiền 280.000.000đ, tôi có thấy bà T đưa lại cho bà P giấy mượn tiền nhưng tôi không nhìn rõ nội dung giấy viết gì.

Tại bản án sơ thẩm số 24/2019/DS-ST ngày 12 tháng 09 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

- Áp dụng các Điều 155, Điều 166, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 103, Điều 235, Điều 264, Điều 267 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Tăng Thị T. Buộc bà Bùi Thị P phải trả cho bà Tăng Thị T 280.000.000đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/09/2019, bà Bùi Thị P có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xác minh, thu thập chứng cứ lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Tăng Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn, Bùi Thị P vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo theo như đơn kháng cáo ngày 13/09/2019.

Người làm chứng, ông Phan Thanh H vẫn giữ nguyên như lời khai tại phiên tòa Dân sự sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, Luật sư Lê Văn T trình bày: Các tài liệu, chứng cứ để đánh giá trực tiếp làm rõ nội dung vụ án là 03 (Ba) Giấy mượn tiền ngày 13/03/2012 có trong hồ sơ của vụ án. Bà Bùi Thị P khẳng định chỉ viết một giấy mượn tiền duy nhất và đưa cho bà Tăng Thị T cất giữ, khi bà Bùi Thị P trả nợ cho bà Tăng Thị T, có sự chứng kiến của anh Phan Thanh H thì bà P đã nhận lại giấy mượn tiền do mình viết từ bà T. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 259 Bộ luật tố tụng dân sự để tạm ngừng phiên tòa để trưng cầu giám định về: chữ ký, chữ viết, hoa văn, chất liệu loại giấy của 03 (Ba) giấy mượn tiền.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu: Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng các thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, bà Bùi Thị P và giữ nguyên nội dung bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Việc mượn tiền giữa bà Tăng Thị T và bà Bùi Thị P được thực hiện vào năm 2012. Nhưng đến năm 2018 bà Tăng Thị T mới khởi kiện bà Bùi Thị P và đã được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý theo thông báo số 460/2018/TB-TLVA ngày 12/12/2018, về việc: “*Đòi tài sản*” là không đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (*có hiệu lực từ ngày 01/07/2016*). Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm cần phải điều chỉnh lại là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

- Về thời hiệu yêu cầu giải quyết vụ án: Từ khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án dân sự số 460/2018/TLST-DS ngày 12/12/2018 và tiến hành tố tụng đối

với vụ án cho đến khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án thì các bên đương sự không có bên nào yêu cầu áp dụng thời hiệu. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án số 24/2019/DS-ST ngày 12/09/2019 là phù hợp với căn cứ tại điểm e, khoản 1 Điều 217; khoản 1, khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 429 Bộ luật dân sự 2015.

- Đối với giấy mượn tiền ngày 13/03/2012 do bà Bùi Thị P cung cấp cho Tòa án tại cấp phúc thẩm thì có các loại mực khác nhau và bị mất chữ mà bà Bùi Thị P cho rằng là bản gốc. Hội đồng xét xử xét thấy tại cấp sơ thẩm Tòa án đã yêu cầu bà Bùi Thị P cung cấp chứng cứ BL(62); lập biên bản đối chất giữa bà P, bà T và anh H BL(114); bà Bùi Thị P cũng không yêu cầu trưng cầu giám định giấy mượn tiền gốc duy nhất BL(11) mà bà T dùng để khởi kiện bà P. Mặt khác, tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm Tòa án cũng lấy lời khai của bà P BL(148) để làm rõ nội dung trưng cầu giám định giấy mượn tiền tại BL(11) do bà T cung cấp nhưng bà P vẫn không yêu cầu. Do đó, cấp phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà P về việc trưng cầu giám định.

[2] Về nội dung:

- Xét nội dung kháng cáo của bị đơn, bà Bùi Thị P: Các bên nguyên đơn bà Tăng Thị T, bị đơn bà Bùi Thị P đều thừa nhận có việc bà P vay bà T 280.000.000đ và có lập giấy mượn tiền vào ngày 13/03/2012. Bà Bùi Thị P khẳng định đã thanh toán cho bà T số tiền 280.000.000đ trước sự chứng kiến của anh Phan Thanh H (*nhân viên kế toán của Công ty bà Bùi Thị P*) và đã nhận lại giấy mượn tiền từ bà Tăng Thị T mà không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho việc trả nợ của bà P cho bà T. Bà Tăng Thị T xác định bà Bùi Thị P chưa thanh toán tiền cho bà T theo giấy mượn tiền ngày 13/03/2012 nên bà T đã căn cứ vào giấy mượn tiền tại BL(11) để khởi kiện buộc bà Bùi Thị P phải trả cho bà Tăng Thị T số tiền gốc theo giấy mượn tiền là 280.000.000đ. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Bùi Thị P phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Tăng Thị T số tiền 280.000.000đ (*Hai trăm tám mươi triệu đồng*) là có cơ sở. Tòa án cấp phúc thẩm nhận thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị P và cần giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

- Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các Điều 155, Điều 166, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015 để giải quyết vụ án là không đúng theo quy định tại Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, cấp phúc thẩm cần phải điều chỉnh lại cho đúng quy định của pháp luật.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị; Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Bùi Thị P phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị P và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 474; khoản 1 Điều 478 của Bộ luật Dân sự 2005; điểm e, khoản 1 Điều 217; khoản 1, khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

* **Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Tăng Thị T.

Buộc bà Bùi Thị P phải thanh toán một lần cho bà Tăng Thị T số tiền là 280.000.000đ (*Hai trăm tám mươi triệu đồng*).

Quy định: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- *Về án phí:* Bà Bùi Thị P phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*), theo biên lai thu số AA/2016/0015378 ngày 26/09/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, Khánh Hòa. Bà Bùi Thị P đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bản án có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND TP.N;
- Chi cục THADS TP.N;
- Lưu án văn; VP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Đình Thanh